

Bản án số: 36/2020/HS-ST

Ngày: 02-03-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Ông Nguyễn Đăng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Đình H, sinh năm 1999 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã G, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình H, sinh năm 1968 và bà Lê Thị M, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không.

- Tiền án: Bản án số 08/2018/HSST ngày 14/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt vào ngày 27/9/2019.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/11/2019 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Vũ Đức D, sinh năm 1989; xin vắng mặt.

+ Bà Lưu Ngọc A, sinh năm 1994; xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị M, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn H, xã G, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đình H là người làm thuê tại Cửa hàng điện máy N thuộc khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương do vợ chồng ông Vũ Đức D và bà Lưu Ngọc A làm chủ.

Ngày 28/10/2019, Trần Đình H được nhận vào làm tại cửa hàng điện máy Ngọc A, trong quá trình làm việc H nhìn thấy trong phòng ngủ của vợ chồng ông D và bà Ngọc A có một con heo đất màu vàng bên trong có chứa tiền tiết kiệm của vợ chồng ông D nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền bên trong con heo đất để tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định, khoảng 08 giờ ngày 02/11/2019, lợi dụng lúc vợ chồng ông D đi khám bệnh cho con và cửa hàng chỉ còn H trông coi, lúc này H mở cửa, đi vào bên trong phòng ngủ của vợ chồng ông D (phòng không khóa cửa), sau đó đi đến vị trí con heo đất để trên đầu tủ nhựa trong phòng ngủ và dùng một cây lấy “rái tai” dài khoảng 20cm, có thân bằng nhựa màu đỏ dài khoảng 15cm, đầu còn lại bằng kim loại màu trắng dài khoảng 05cm mà H chuẩn bị sẵn đưa vào khe bỏ tiền của con heo đất rồi kéo tiền từ bên trong con heo đất ra nhiều lần, tổng cộng H lấy từ trong con heo đất ra được 4.000.000 đồng; cũng với cách thức nêu trên, khoảng 08 giờ ngày 04/11/2019 H chiếm đoạt bên trong con heo đất trong phòng ngủ của vợ chồng ông D số tiền là 10.000.000 đồng; khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/11/2019 H tiếp tục chiếm đoạt bên trong con heo đất trong phòng ngủ của vợ chồng ông D số tiền là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền H chiếm đoạt bên trong con heo đất trong phòng ngủ của vợ chồng ông D là 19.000.000 đồng. H sử dụng số tiền này để sửa xe mô tô biển số 49N1 – 143.50 của H hết 9.120.000 đồng; mua điện thoại di động hiệu OPPO A5, màu đen trị giá 4.290.000 đồng và gửi cho bà Lê Thị M là mẹ của H số tiền 4.000.000 đồng để bà M tiêu xài; số tiền còn lại H cất giữ tiêu xài cá nhân.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06/11/2019, ông D đi vào phòng ngủ thì phát hiện con heo đất có dấu hiệu bị cạy nên kiểm tra thì phát hiện bị mất tiền, đồng thời cùng lúc này H xin ông D nghỉ việc nên ông D nghi ngờ H là người đã lấy tiền bên trong con heo đất, sau đó ông D trình báo sự việc mất tiền cho Công an phường U. Công an phường U mời H lên trụ sở làm việc, H đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tiền của ông D. Công an phường U tiến hành lập biên bản thu giữ vật chứng và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương thụ lý theo thẩm quyền.

Bản Cáo trạng số 27/CT-VKS.TU ngày 15/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Đình H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173;

điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Đình H mức hình phạt từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 46 và 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 cây rái tai dài khoảng 20cm, có thân bằng nhựa màu đỏ dài khoảng 15cm, đầu còn lại bằng kim loại màu trắng dài khoảng 05cm và 01 hộp hình chữ nhật có bọc ni lông; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 và số tiền 1.590.000 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng); trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); trả lại cho bị cáo số tiền 910.000 đồng (Chín trăm mười nghìn đồng) và 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRUS biển kiểm soát 49N1 – 143.50.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu.

Quá trình điều tra, bị hại ông Vũ Đức D và bà Lưu Ngọc A trình bày: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06/11/2019, ông D đi vào phòng ngủ thì phát hiện con heo đất có dấu hiệu bị cạy nên kiểm tra con heo đất thì phát hiện bị mất tiền, đồng thời cùng lúc này H xin ông D nghỉ việc nên ông D nghi ngờ H là người đã lấy tiền bên trong con heo đất, sau đó ông D trình báo sự việc mất tiền cho Công an phường U. Tại Công an thì H đã khai nhận toàn bộ sự việc. Ông D và bà Anh đã nhận lại toàn bộ số tiền bị lấy cắp nên không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Về mức hình phạt thì đề nghị Tòa án xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M trình bày: Bà Lê Thị M là mẹ ruột của Trần Đình H. Ngày 04/11/2019, H có gửi về cho bà M số tiền 4.000.000 đồng. Bị cáo nói đây là tiền lương của bị cáo gửi về cho bà M chữa bệnh. Bà M không biết tiền này do H phạm tội mà có, sau khi biết sự việc ngày 07/11/2019, bà Lê Thị M giao nộp số tiền 4.000.000 đồng cho Công an phường U và ngày 12/11/2019, bà Lê Thị M đã bồi thường cho ông D, bà Ngọc A số tiền 19.000.000 đồng. Bà M không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền nêu trên.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của bị cáo Trần Đình H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Ngày 02/11/2019, ngày 04/11/2019 và ngày 05/11/2019 tại Cửa hàng điện máy Ngọc A thuộc khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Trần Đình H lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của vợ chồng ông Vũ Đức D và bà Lưu Ngọc A đã 03 (ba) lần lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) của vợ chồng ông D, bà Anh.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì động cơ tư lợi và thái độ coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Đình H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích mà đến ngày 02/11/2019, ngày 04/11/2019 và ngày 05/11/2019 lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý nên phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Đình H có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tác động mẹ của mình để khắc phục hậu quả và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với các vật chứng gồm: 01 cây rái tai dài khoảng 20cm, có thân bằng nhựa màu đỏ dài khoảng 15cm, đầu còn lại bằng kim loại màu trắng dài khoảng 05cm; 01 hộp hình chữ nhật có bọc ni lông, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với vật chứng là 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5, màu đen, số Imei 1863444047556712 và số tiền 1.590.000 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

Đối với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) do bà Lê Thị M đã nộp lại, bà M đã bồi thường đủ số tiền bị mất cho bị hại nên cần trả lại số tiền này cho bà M;

Đối với số tiền 910.000 đồng (Chín trăm mười nghìn đồng) và 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRUS biển kiểm soát 49N1 – 143.50 là tài sản của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về việc xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị cáo cho đến khi có quyết định thi hành án để đảm bảo cho việc thi hành án.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội, bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 106; Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Đình H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Đình H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/11/2019.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây rái tai dài khoảng 20cm, có thân bằng nhựa màu đỏ dài khoảng 15cm, đầu còn lại bằng kim loại màu trắng dài khoảng 05cm; 01 hộp hình chữ nhật có bọc ni lông (vỏ hộp giấy đựng điện thoại hiệu OPPO A5).

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 màu đen, số Imei 1863444047556712 và số tiền 1.590.000 đồng (*Một triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*).

- Trả lại cho bà Lê Thị M số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

- Trả lại cho bị cáo số tiền 910.000 đồng (*Chín trăm mười nghìn đồng*) và 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRUS biển kiểm soát 49N1 – 143.50, số máy E3X9E702389, số khung RLCUE3220KY136333, xe không kính chiếu hậu phải, không kiểm tra máy.

(*Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/02/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thị xã T và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T*).

4. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Trần Đình H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền

